

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA KỸ THUẬT HOÀNG GIA VIỆT NAM

VIETNAM HOANG GIA GEOTECHNICAL JOINT STOCK COMPANY (HGG.,JSC)

Phòng thí nghiệm cơ học đất và vật liệu xây dựng LAS-XD 1109

HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC



Địa chỉ: Số 55 Cầu Cồn, Trần Hưng Đạo, Tp Hải Dương, Hải Dương

Điện thoại: 0982.461.026

Email: Hientvxd7217@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA KỸ THUẬT HOÀNG GIA VIỆT NAM

Xin gửi đến Quý cơ quan, các Doanh nghiệp và khách hàng lời chào trân trọng!

Công ty cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam (HGG) được thành lập theo đăng ký kinh doanh số 0105232417 ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10/05/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trên cơ sở hợp tác của các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm nhiều năm và có nhiệt huyết với ngành Địa kỹ thuật và thí nghiệm công trình, Công ty cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam (HGG) có đầy đủ khả năng về tư vấn, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực khảo sát địa kỹ thuật, môi trường; trắc địa xây dựng, quan trắc địa kỹ thuật công trình; thí nghiệm kiểm tra chất lượng nền móng công trình; thiết kế, thăm tra, thăm định, giám sát chất lượng các loại công trình xây dựng; tư vấn thi công xử lý nền móng công trình.

Công ty cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam (HGG) đã thành lập Phòng thí nghiệm Cơ học đất và Vật liệu xây dựng, đầu tư các trang thiết bị thí nghiệm, tuyển dụng đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ, nhiệt tình và có kinh nghiệm tham gia nhiều dự án xây dựng với mục tiêu xây dựng phòng thí nghiệm hợp chuẩn và đồng bộ. Phòng thí nghiệm cơ học đất và vật liệu xây dựng **LAS-XD 1109** của công ty đã được Bộ Xây dựng công nhận đủ điều kiện hoạt động chuyên ngành xây dựng số: 46/GCD-BXD ngày 09/3/2023 và Sở xây dựng Hải Dương cấp Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trong lĩnh vực khảo sát địa chất công trình số: **HAD-00000074** ngày 07/12/2021.

Với mục tiêu khẳng định thương hiệu, phát triển uy tín và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam (HGG) định hướng áp dụng khoa học công nghệ, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để có thể cung cấp cho các đối tác một dịch vụ tốt nhất.

Công ty cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam (HGG) mong muốn hợp tác, liên doanh liên kết với các cơ quan, các công ty, các doanh nghiệp và các đồng nghiệp nhằm phát triển chuyên ngành Địa kỹ thuật nói riêng và xây dựng nói chung, góp phần vào sự phát triển của đất nước ngày càng giàu đẹp.

GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam

Tên tiếng Anh: Vietnam Hoang Gia Geotechnical Joint Stock Company

Tên viết tắt: HGG.,JSC

MSDN: 010 523 2417, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 10 tháng 05 năm 2023

2. Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 55 phố Cầu Cón, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Giám đốc: Hoàng Thị Hiền

Điện thoại: 0982.461.026

Email: hientvxd7217@gmail.com

3. Ngân hàng giao dịch:

Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hải Dương

Tài khoản: 230 120 100 2684 – Mã ngân hàng: 30204009.

4. Mã số thuế: 0105 232 417

5. Phòng thí nghiệm Cơ học đất và vật liệu xây dựng : LAS-XD 1109

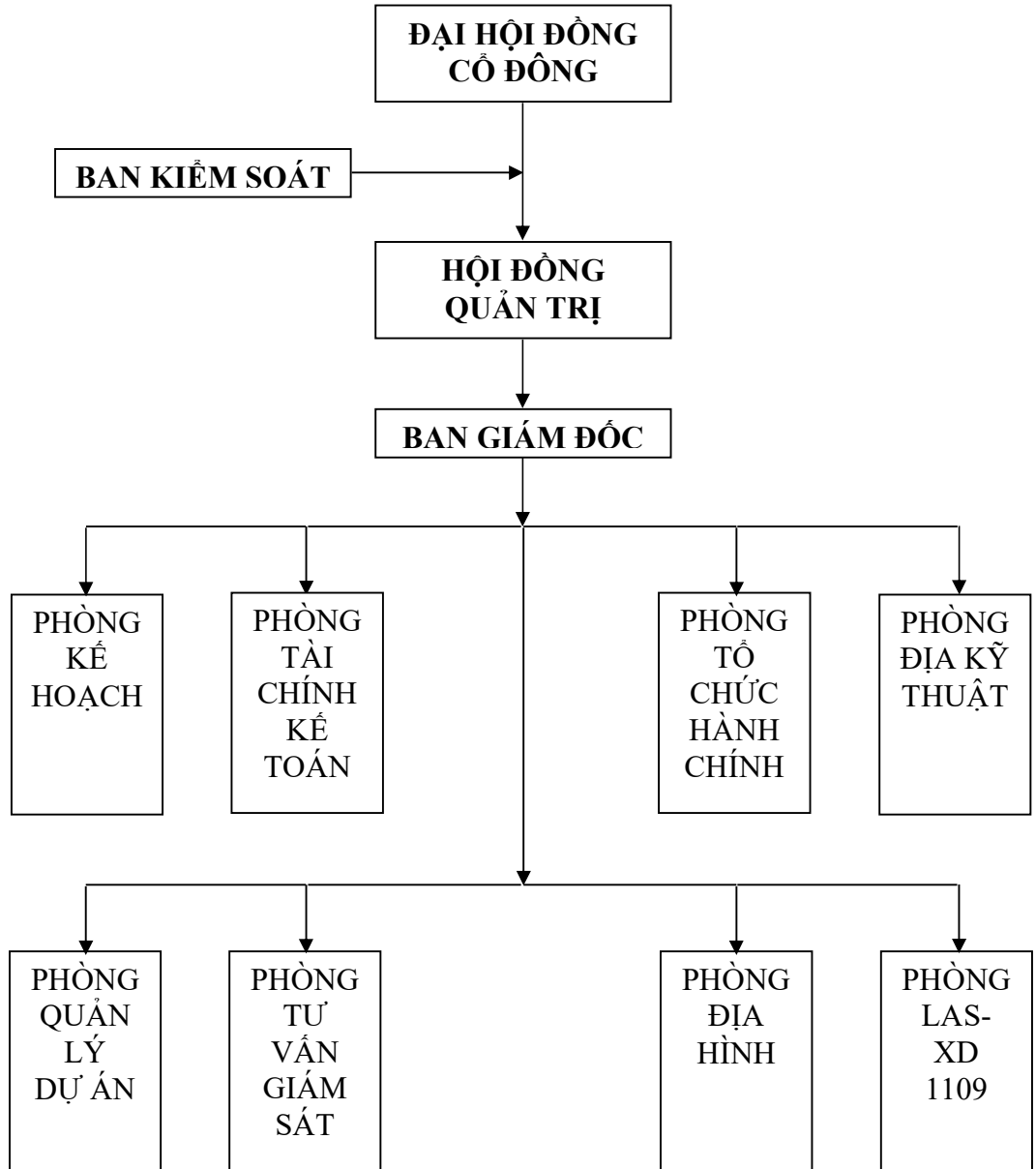
Bộ xây dựng cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo giấy chứng nhận số: **46/GCN-BXD** cấp ngày 09/3/2023.

Sở xây dựng Hải Dương cấp Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trong lĩnh vực khảo sát địa chất công trình số: **HAD-00000074** ngày 07/12/2021.

Địa chỉ: Số 55, phố Cầu Cón, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0982461026

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Với đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm chuyên môn, Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam (HGG) có năng lực đáp ứng yêu cầu trong nhiều lĩnh vực xây dựng khác nhau;

- Thí nghiệm vật liệu xây dựng: Thí nghiệm cơ lý xi măng, gạch bê tông tự chèn, gạch xây; Thí nghiệm vữa xây dựng, thí nghiệm cốt liệu bê tông và vữa; Thí nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng; Thí nghiệm thép xây dựng; bê tông nhựa, nhựa
- Khoan khảo sát địa chất.
- Đo, vẽ khảo sát địa hình.
- Thí nghiệm nén tĩnh cọc bê tông.
- Thi công xử lý nền móng công trình;
- Kinh doanh mua bán và cho thuê thiết bị, chuyển giao công nghệ ngành xây dựng.
- Và một số ngành nghề khác (theo đăng ký kinh doanh được cấp).

Một số thiết bị thí nghiệm trong phòng









Một số hình ảnh hiện trường

Nén tĩnh cọc bê tông





Khoan khảo sát địa chất





26 Th3, 2024 16:09:36

Đường chưa đặt tên

Kim Thành

Hải Dương

Xây Dựng cầu Kim Liên - Kim Tân HK2

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAD-00000074

(Ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-SXD ngày 15/12/2016 và Quyết định số 223/QĐ-SXD ngày 07/12/2021 của Sở Xây dựng Hải Dương)

Tên tổ chức: Công ty cổ phần địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0105232417.

Ngày cấp lần đầu: 31/3/2011; thay đổi lần thứ 2 ngày: 15/01/2015; nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Tên người đại diện theo pháp luật: Hoàng Thị Hiền; chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 55, phố Cầu Cồn, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; số điện thoại: 02203.855143.

1. Phạm vi hoạt động xây dựng:

1.1. Khảo sát địa chất công trình - Hạng II.

1.2. Khảo sát địa hình công trình - Hạng III.

2. Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày 06/12/2031. ✓

Hải Dương, ngày 07 tháng 12 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Phụng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0105232417

Đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 10 tháng 05 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA KỸ THUẬT HOÀNG GIA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM HOANG GIA
GEOTECHNICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HGG.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 55, phố Cầu Cồn, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0320.3855143

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 1.600.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 160.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HOÀNG THỊ HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/10/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040172018007

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 55 phố Cầu Cồn, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 55 phố Cầu Cồn, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

[Signature]
TRƯỞNG PHÒNG
Vũ Huy Cường

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **46** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **09** tháng **3** năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn Nam Định và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 09/12/2022.

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 17/02/2023;

CHỨNG NHẬN:

- Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam;
Mã số thuế: 0105232417;
Địa chỉ: Số 55, Cầu Cồn, P. Trần Hưng Đạo, TP. Phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm cơ học đất và vật liệu xây dựng;
Địa chỉ: Số 55, Cầu Cồn, P. Trần Hưng Đạo, TP. Phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.
Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Bảng danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.
- Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1109.
- Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Giấy chứng nhận số 154/GCN-BXD ngày 13/02/2018./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam;
- SXD tỉnh Hải Dương;
- TT Thông tin (*website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT. *Hg*

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh
Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1109
 (Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
 Số: 46.../GCN-BXD, ngày 09 tháng 3 năm 2023)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xi măng	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2008
	Cốt liệu cho bê tông và vữa	
1	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
4	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
5	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
8	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
9	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
10	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
12	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic cho bê tông và vữa	TCVN 7572-14:2006
13	Xác định hàm lượng ion clo cho bê tông và vữa	TCVN 7572-15:2006
14	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
15	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
16	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419
17	Xác định hàm lượng hạt lọt qua sàng có kích thước lỗ sàng 75 µm	TCVN 9205:2012
18	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883
	Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
2	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
3	Xác định độ tách nước và tách vữa	TCVN 3109:2022
4	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
5	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022
6	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022
7	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
8	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
9	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022
10	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
11	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022
12	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022

13	Xác định cường độ chịu kéo khi bù	TCVN 3120:2022
14	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:1912
Vữa xây dựng		
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dần)	TCVN 3121-3:2003
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003
5	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-09:2003
6	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
7	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2003
8	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2003
9	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
10	Vữa xi măng khô trộn sẵn không có xác định: Độ chảy, độ tách nước, cường độ chịu nén, thay đổi chiều cao cốt vữa trong quá trình đông kết, thay đổi chiều dài của mẫu vữa đông rắn	TCVN 9204:2012
Gạch		
1	Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ thấm nước; độ rỗng	TCVN 6477:2016
2	Gạch xi măng lát nền: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn; độ hút nước; độ chịu lực xung kích; tải trọng uốn gãy toàn viên và độ cứng lớp mặt, độ bền nén	TCVN 6065:1995
3	Gạch Terazo: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ uốn; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 7744:2013
4	Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999
5	Gạch xây đất sét nung: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; khối lượng riêng, xác định độ rỗng; xác định vết tróc do vôi; sự thoát muối	TCVN 6355:2009
6	Ngói: Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng một mét vuông ngói bảo hòa nước	TCVN 4313:1995
7	Gạch bê tông nhẹ khí chưng áp: Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô; độ co ngót khô	TCVN 7959:2017
8	Gạch bê tông nhẹ khí không chưng áp: Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô; độ co ngót khô	TCVN 9029:2017; TCVN 9030:2017
Kim loại và mối hàn		
1	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892:2009)
2	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005)
3	Kiểm tra chất lượng mối hàn ống - Thử nén bẹp	TCVN 5402:2010
4	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
5	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:1991
6	Thử kéo bu lông neo, tải trọng phá hoại của bu lông, vít, vít cây, đai ốc	TCVN 1916:1995; ASTM F606; ASTM A370 <i>th</i>
7	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2018; TCVN 1548:1987; TCVN 165:1988

THỰC HÀNH

	Nước xây dựng	
1	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011; AASHTO T26
2	Xác định hàm lượng clorua (CL)	TCVN 6194:1996; ASTM D512:04
3	Xác định hàm lượng Sunfat (SO ₄)	TCVN 6200:1996; ASTM D516:102
4	Xác định lượng muối hòa tan; Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
5	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988
6	Xác định hàm lượng natri và kali	TCVN 6196-3:2000
	Đất	
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
7	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:2006 TCVN 12790:2020
8	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
9	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006; TCVN 8821:2011 TCVN 12792:2020
10	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012; AASHTO-T49 ASTM D2434-00
11	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; BS1377 PART 3
12	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
13	Xác định đặt trung tan rã của đất	TCVN 8718:2012
14	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
15	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:2011; ASTM D2580-95
16	Xác định trương nở của đất sét	ASTM D 4546
	Nhựa bitum	
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
3	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
4	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; TCVN 8818-2:2011
5	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005
6	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:2005
7	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
8	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:2005
9	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chung cất	TCVN 7503:2005
10	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005
	Bê tông nhựa	
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
5	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011

6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
13	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
14	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
Cơ lý vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa		
1	Thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
2	Xác định: hàm lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; hệ số hao nước; hàm lượng chất hòa tan trong nước;	22TCN 58:1984
3	Xác định: khối lượng riêng của bột khoáng và nhựa đường; khối lượng thể tích và độ rỗng dư của bột khoáng chất và nhựa đường; độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
Hiện trường		
1	Đo dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020
2	Khối lượng thể tích của đất lớp kết cấu đá dăm bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8729:2012 ASTM D1556:00
3	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
4	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng Cầu đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695:96; AASHTO T256:77
5	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965:96
6	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950:98
7	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012
8	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429:92
9	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
10	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hố khoan	TCVN 8731:2012
11	Thử nghiệm cọc tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
12	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012
13	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012
14	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông - Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012
15	Thử cọc bê tông ly tâm ứng lực trước (kiểm tra kích thước hình học; ngoại quan; độ bền uốn nứt; uốn gãy; bền cắt; mối nối; uốn dọc trục)	TCVN 7888:2014; JIS A 5373:2016

16	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:2012
17	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
18	Thử cột điện bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 5847:2016
19	Thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012;TCVN 9846:2013
20	Kiểm tra khuyết tật cọc bằng phương pháp động biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012, ASTM D5882:95
21	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573:94
22	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
23	Ống công bê tông cốt thép: Kiểm tra ngoại quan và khuyết tật cho phép, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9113:2012; ASTM C76
24	Công hộp: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9116:2012; ASTM C76
25	Bó via bê tông đúc sẵn	TCVN 10797:2015
26	Quan trắc chuyển vị ngang nhà và công trình	TCVN 9399:2012
	Bentonite	
1	Xác định: Khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo của sét, độ pH, độ ổn định, lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017

Ghi chú (*): - Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng. *Ho*

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF
NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

confers

THE DEGREE OF MASTER
in ENGINEERING

Upon: (Mr, Ms)

Huong Thanh Hai

Born on: Oct, 25th, 1979 in Hai Duong

Given under the seal of

National University of Civil Engineering

April 17th 2012

Serial number:

Reference number: 2074

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

cấp

BẰNG THẠC SĨ
KỸ THUẬT

Cho: ông

Huong Thanh Hai

Sinh ngày 25 - 10 - 1979 tại Hải Dương

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2012.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Văn Thành

Số hiệu: A 032817

Số vào sổ cấp bằng: 2074

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Số: **BXD-00022000**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21/QĐ-HĐXD-CN ngày 22/6/2023)



THÔNG TIN CÁ NHÂN



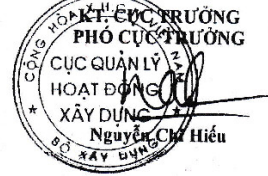
Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Hoàng Thanh Hải**
Ngày tháng năm sinh: **25/10/1979**
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): **030079003401**
Cấp ngày: **13/02/2019** tại Cục cảnh sát
Quốc tịch: **Việt nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học TONGJI, Trung Quốc**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Cử nhân địa kỹ thuật**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình	I	từ 22/06/2023 đến 22/06/2028

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2023



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Hoang Thanh Hai

Has successfully passed the Training Course on
Management of Construction Laboratory

In April 2009

Ref. N°: 4955/2009/VKH - THXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng, nhiệm: Ông **Hoàng Thanh Hải**
Ngày sinh: 25/10/1979 - Quê quán: **Hải Dương**
Cơ quan:

Đã hoàn thành chương trình tập huấn về:

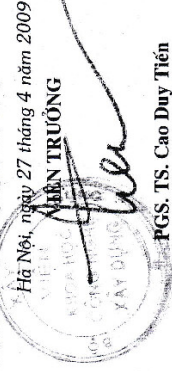
**Quản lý Phòng Thi nghiệm
chuyên ngành Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 24/4 đến ngày 27/4/2009

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2009

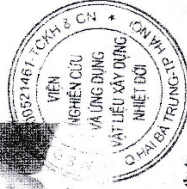
VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Duy Tiến



VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Ms: HOANG THANH HAI
Has successfully passed Training Course on
Methods for determining physico-mechanical properties of asphalt
concrete-concrete materials in the lab and on-site
In April 2024

BỘ: 10/1951.1/PHAN/BH/D/1/VI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

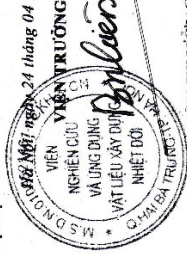
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: HOANG THANH HAI
Ngày sinh: 25 - 10 - 1979
Thường trú: Hà Nội

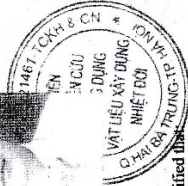
Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông-Vật liệu bê tông trong phòng và hiện trường

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới
Trưởng Đại Học Xây Dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024
Kết quả học tập: Đạt loại Khá



VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. Bạch Đình Thiện

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that
Mr/Mrs: HOANG THANH HAI
Has successfully passed Training Course on
Methods for determining physico-mechanical properties of the
soil in the lab and on-site
In April 2024

Ref. No: /P/STL-APPASR/HT/D/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **HOÀNG THANH HẢI**

Ngày sinh: 25 - 10 - 1979

Thường trú: Hà Nội

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Phương pháp xác định tính chất cơ lý của Đất trong phòng và hiện trường

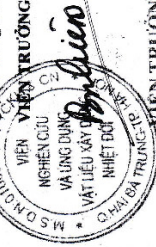
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức

Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024

Kết quả học tập: Đạt loại Khá

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2024



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Chiến



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo Hiệu trưởng trường

Đại học Mở - Hà Nội

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Loại hình đào tạo TẠO
ngành *Điện chất*
hạng *Thứ*
và công nhận danh hiệu

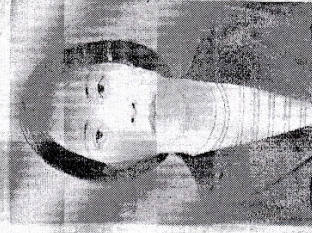


Số liên bằng

0230575

Số vào sổ

0011111111

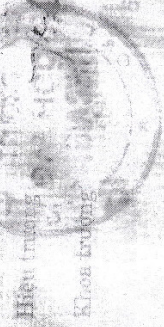


Chữ ký của người được cấp bằng

cho *Hùng Thị Hiền*

sinh ngày *23/11/1981* tại *Hải Phòng*

ngày *23/11/1981* tháng *11* năm *1981*

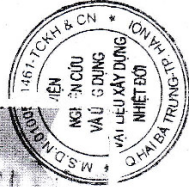


Hiệu trưởng

Khoa trưởng

Nguyễn Văn Tuấn

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: HOANG THANH HAI
Has successfully passed Training Course on
Field tester, checking lightning protection system
In March 2020

Ref. No: 16126-A16128B/FND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: **HOANG THANH HAI**

Ngày sinh: 25 - 10 - 1979

Thường trú: Hà Nội

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

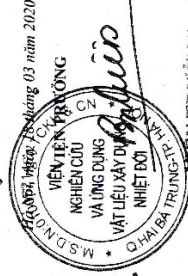
Thi nghiệm viên nghiệm cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Chống sét

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 03 năm 2020

Kết quả học tập: Đạt loại khá.



TSKH. Bạch Đình Tấn

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Số: BXD-00039322

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 31/QĐ-HBXD-CN ngày 28/10/2022)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 18-09-2023

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Họ và tên: Hoàng Thị Hiền
Ngày tháng năm sinh: 28/10/1972
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): 040172018007
Cấp ngày: 09/08/2021 tại Cục cảnh sát
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Đại học mỏ - địa chất
Hệ đào tạo: Tại chức
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất công trình

Số Chứng thực: 1899, Quyền số: 01, SCT/BS
Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình	1	từ 28/10/2022 đến 28/10/2027



CHỦ TỊCH
NGUYỄN THỊ THU HÀ

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2022

CỤC TRƯỞNG

CỤC QUẢN LÝ
HOẠT ĐỘNG
XÂY DỰNG
TS. Hoàng Quang Nhu

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mrs. **HOANG THI HIEN**

Has successfully passed the Training Course on

*Method of analysis of chemical composition
(aggregate, soil, cement, water)*

Ref. N°: 15583 /2018/VKH -TNNX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Bà **HOÀNG THỊ HIỀN**

Ngày sinh: 28/10/1972 - Quê quán: Nghệ An

Cơ quan: Công ty CP Địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thi nghiệm về:

Phương pháp phân tích thành phần hóa

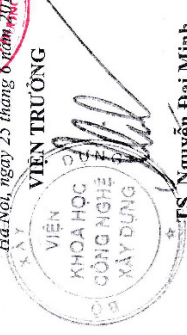
(cốt liệu, đất, xi măng, nước)

Thời gian tổ chức: Từ ngày 06/6/2018 đến ngày 19/6/2018

Tại: Viện Khoa học công nghệ xây dựng

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG



TS. Nguyễn Đại Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GTVT TRUNG ƯƠNG I

CẤP

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Cho: **HOÀNG THỊ HIỀN**

Sinh ngày: 28/10/1972

Đã hoàn thành chương trình: **Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ**

Từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày 06 tháng 3 năm 2018

Xếp loại: **Khá**



Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2018.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Bùi Quốc Thịnh

Số hiệu: 13921
Số vào sổ cấp chứng chỉ: 27105

BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN

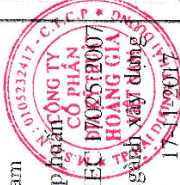
Ông (Bà): **Hoàng Thị Hiền**

Sinh ngày: 28-10-1972

Đơn vị công tác: Công ty cổ phần Địa kỹ thuật

Hoàng gia Việt Nam

Đã hoàn thành chương trình: Tập huấn **Giám đốc**
tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007
cho phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Từ ngày: 16-11-2017 đến ngày: 17-11-2017



Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2017

Giám đốc



Số: 1809-2017

Điền Hiền Hồ

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHỊT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:

Mr/Mrs: HOANG THI HIEN

Has successfully passed Training Course on

Experts on the method of determining the mechanical and physical
properties of asphalt concrete and building materials in the room
and the field

In November 2019

Ref. No: 15727-115729B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHỊT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: HOÀNG THỊ HIỀN

Ngày sinh: 28 - 10 - 1972

Thường trú: Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Thí nghiệm viên phương pháp xác định các tính chất cơ lý

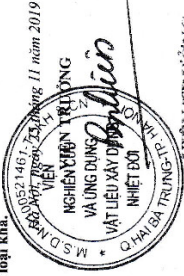
nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 11 năm 2019

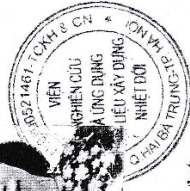
Kết quả học tập: Đạt loại khá.



VIỆN TRƯỞNG

S.ISKH. Bạch Đình Tiến

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Ms: HOANG THI HIEN
Has successfully passed Training Course on
Methods for determining physico-mechanical properties of asphalt
concrete-concrete materials in the lab and on-site
In April 2024

04/NOI/PHS/1A/98/BB/BD/TNE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

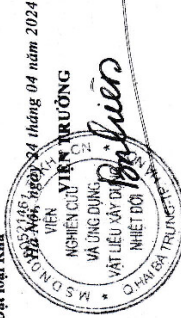
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHUNG NHẬN

Ông/Bà: **HOANG THI HIEN**
Ngày sinh: 28 - 10 - 1972
Thường trú: Hai Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Phương pháp xác định tính chất cơ lý của Bê tông-Vật liệu bê tông
trong phòng và hiện trường

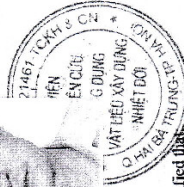
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024
Kết quả học tập: Đạt loại Khá



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. *Bạch Đình Khiên*

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that
Mr/Mrs. VU XUAN KHAI
Has successfully passed Training Course on
Field experiment to inspect the integrity and load-bearing
capacity of the piles
In April 2024

Ref. No: ITBM/SL/19/MS/IB/TD-TNY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

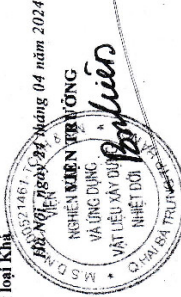
CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **VŨ XUÂN KHAI**
Ngày sinh: 26 - 10 - 1967
Thường trú: Hai Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024

Kết quả học tập: Đạt loại Khá



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Linh Thiện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-CTH ngày 23-11-1994 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - Đà Nẵng



ĐANG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Loại hình đào tạo: **CHUYÊN NGHIỆP**
ngành: **Địa chất - Công nghệ**
hạng: **Thạc sĩ** năm tốt nghiệp: **1992**

Vật công nhận: **Thạc sĩ**

cho: **Nguyễn Ngọc Đàm**

sinh ngày **23-07-1962** tại **Thái Bình**

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Đàm** năm 2002

trưởng AI

Khoa trưởng

GS.TS



Số hiệu bằng: **06456**

Số vào sổ: **ĐC7458M.29**

Chữ ký của người được cấp bằng

**TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP
CHỨNG CHỈ:**

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cảnh cáo người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cảnh tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

ST-001

BẢN SAO

THÔNG TIN CÁ NHÂN



*Chữ ký của người được cấp
chứng chỉ*

Họ và tên: Vũ Ngọc Nam
Ngày tháng năm sinh: 23/07/1982
Số CMTND (hoặc hộ chiếu) 030082018150 cấp
ngày 15/08/2022 Tại Cục cảnh sát quản lý hành
chính về trật tự xã hội
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Đại học Mỏ - Địa chất
Hệ đào tạo: Tại chức
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất công trình

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng

TT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình	II	Từ 28/11/2023 đến 28/11/2028

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 19-12-2023

Số Chứng thực: 401... Quyền số: 07... SCT/BS

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2023

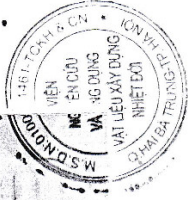
T/M HIỆP HỘI CÁC NHÀ THẦU
XÂY DỰNG VIỆT NAM
CHỦ TỊCH

BAN
CHẤP HÀNH

NGUYỄN QUỐC HIỆP

CHỦ TỊCH
NGUYỄN THỊ THU HÀ

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: VU NGOC NAM
Has successfully passed Training Course on
Experts on the method of determining the mechanical and physical
properties of asphalt concrete and building materials in the room
and the field
In November 2019

Ref. No: 15720-413722B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
CHỨNG NHẬN

Ông: VŨ NGOC NAM

Ngày sinh: 23 - 07 - 1982

Thường trú: Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

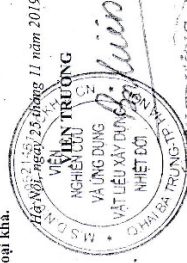
Thi nghiệm viên phương pháp xác định các tính chất cơ - lý bê tông
nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 11 năm 2019

Kết quả học tập: Đạt loại khá.



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Linh

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:
Mrs. **LE THI LOAN**

Has successfully passed the Training Course on

Method of analysis of chemical composition
(aggregate, soil, cement, water)

Ref. N^o. 15584 /2018/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Bà **LÊ THỊ LOAN**

Ngày sinh: 06/4/1976 - Quê quán: **Hải Dương**

Cơ quan: Công ty CP Địa kỹ thuật Hoàng Gia Việt Nam

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp phân tích thành phần hóa
(*cốt liệu, đất, xi măng, nước*)

Thời gian tổ chức: Từ ngày 06/6/2018 đến ngày 19/6/2018.

Tại: Viện Khoa học công nghệ xây dựng

X. Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2018

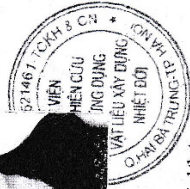
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN
KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG

TS. Nguyễn Đại Minh



VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Ms/Mrs: LE THI LOAN
Has successfully passed Training Course on
Methods for determining physico - mechanical properties of
Construction materials in the lab and on-site
In April 2024

NG. NG. (19) 51. 41948888888888888888

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

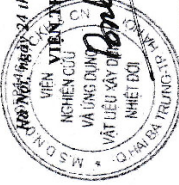
CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **LÊ THỊ LOAN**
Ngày sinh: 06 - 04 - 1976
Thường trú: Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Phương pháp xác định tính chất cơ lý của Thép xây dựng
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng 16 chức
Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024
Kết quả học tập: Đạt loại Khá



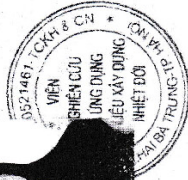
Kết thúc ngày 24 tháng 04 năm 2024



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Chiến

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: LE THI LOAN
Has successfully passed Training Course on
Methods for determining physico - mechanical properties of
Construction motor
In April 2024

BỘ: SỐ 1993/ATP&SB/HĐ/TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **LÊ THI LOAN**

Ngày sinh: 06 - 04 - 1976

Thường trú: Hải Dương

Đề hoàn thành chương trình đào tạo về:

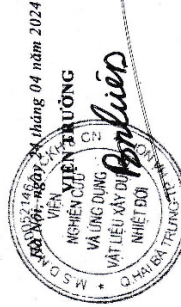
Phương pháp xác định tính chất cơ lý của Vữa xây dựng

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới

Trưởng Đạt Học Xây Dựng tổ chức

Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024

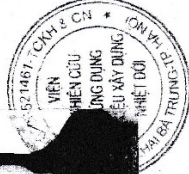
Kết quả học tập: Đạt loại Khá



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Thiện

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Ms: LE THI LOAN
Has successfully passed Training Course on
Methods for determining physico-mechanical properties of asphalt
concrete-construction materials in the lab and on-site
In April 2024

Ref. No: 19/23/ATP&SB/BD/2M

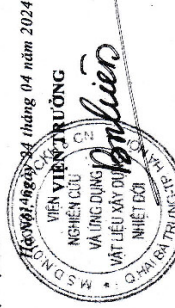
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHUNG NHẬN

Ông/Bà: **LÊ THỊ LOAN**
Ngày sinh: 06 - 04 - 1976
Thường trú: Hải Dương

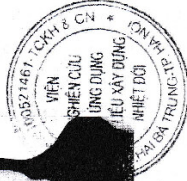
Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Phương pháp xác định tính chất cơ lý của Bê tông nhựa-Vật liệu
xây dựng trong phòng và hiện trường
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024
Kết quả học tập: Đạt loại Khá



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Chiến

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: LE THI LOAN
Has successfully passed Training Course on
Methods for determining physico-mechanical properties of asphalt
concrete-concrete materials in the lab and on-site
In April 2024

Ref. No: 19451.419483B3B7D-FSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **LÊ THỊ LOAN**

Ngày sinh: 06 - 04 - 1976

Thường trú: Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Phương pháp xác định tính chất cơ lý của Bê tông-Vật liệu bê tông

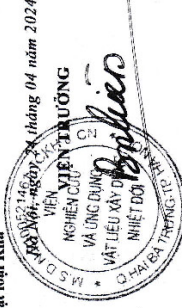
trong phòng và hiện trường

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức

Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024

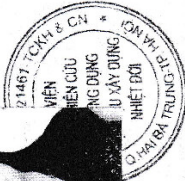
Kết quả học tập: Đạt loại Khá



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Kobien

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: LE THI LOAN
Has successfully passed Training Course on
Methods for determining physico - mechanical properties of Brick
and Construction materials in the lab and on-site
In April 2024

Ref. No: 19/31-AT/98/BB/DT-TN

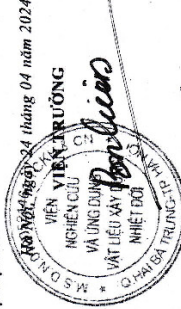
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: LÊ THỊ LOAN
Ngày sinh: 06 - 04 - 1976
Thường trú: Hai Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Phương pháp xác định tính chất cơ lý của Gạch - Vật liệu xây dựng
trong phòng và hiện trường
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024
Kết quả học tập: Đạt loại Khá



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đằng Thiên



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mrs. **Le Thi Loan**

Has successfully passed the Training Course on

*Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials*

In May 2008

Ref. N°: 3469/2008/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chức vụ: Bà **Le Thi Loan**

Ngày sinh: **06/4/1975** - Quê quán: **Hải Dương**

Cơ quan: Công ty Cổ phần TV QH & TK XD Hải Dương

Đã học thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp xác định các tính chất cơ lý

Bê tông và Vật liệu Xây dựng

Thời gian tổ chức: Tháng 5 năm 2008

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hải Dương, ngày 9 tháng 5 năm 2008

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Duy Tiến



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Ms. **Le Thi Loan**

Has successfully passed the Training Course on
**Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils**

In December + November 2008

Ref. N^o: 4397 /2008/VKII -ITNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Bà **Lê Thị Loan**
Ngày sinh: **06/4/1976** - Quê quán: **Hải Dương**
Cơ quan: Công ty CP TV QH & TK Xây dựng Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

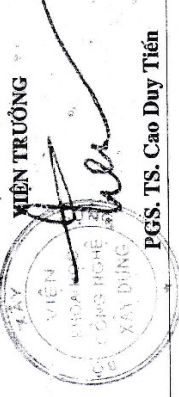
**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý
của đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian: Từ ngày 14/10/2008 đến 06/11/ 2008

Tại: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2008

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Duy Tiến



VIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ QUỐC TẾ
INTERNATIONAL ECONOMIC DEVELOPMENT INSTITUTE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG NHẬN
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
VIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ QUỐC TẾ

Chứng nhận Ông (Bà): **Lê Thị Loan**

Sinh ngày: 06/04/1976

Nguyên quán: **Mai Động**

Đã hoàn thành

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ

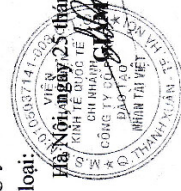
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Tổ chức từ ngày: 19 /04/2016 đến ngày: 24/04/2016

Kết quả xếp loại:

Giỏi

Hà Nội ngày 25 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Thành Đồng

Số: KĐCL04B-0015/ĐTBĐK-IEDI



VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: LE THI LOAN
Has successfully passed Training Course on
Field tester, checking lightning protection system
In March 2020

Ref. No: 16119-416121B/VND-TNY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

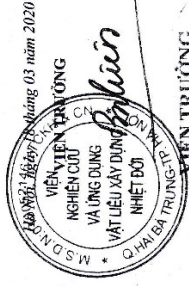
CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: **LÊ THỊ LOAN**
Ngày sinh: 06 - 04 - 1976
Thường trú: Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thí nghiệm viên hiện trường, kiểm tra hệ thống Chống sét
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới Q.4.T.H.
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 03 năm 2020
Kết quả học tập: Đạt loại khá.



PGS.TSKH. Bạch Đình Chiến

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness



HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

confers

THE DEGREE OF MASTER
in GEOLOGICAL ENGINEERING

Upon: *Vu Hoang Duong*

Date of birth: 08/4/1997

Given under the Seal of
the Hanoi University of Mining and Geology
on the date of 07th July 2023

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

cấp

BẰNG THẠC SĨ
KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT

Cho: *Vũ Hoàng Dương*

Ngày sinh: 08/4/1997

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 12-10-2023

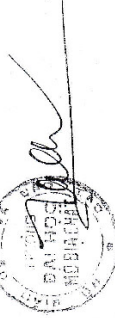
Số Chứng thực: 24... Quyển số: 7... SCT/BS

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



CHỦ TỊCH
NGUYỄN THỊ THU HÀ



Serial number: MĐAM.009404
Reference number: 009404

Số hiệu: MĐAM.009404
Số vào sổ gốc cấp bằng: 009404
GS.TS Trần Xuân Hải

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAN-00180587

Ban hành theo quyết định số: 899/QĐ-SXD ngày 08/12/2023

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: Vũ Hoàng Dương

Ngày tháng năm sinh: 08/04/1997

Số CMTND (hoặc hộ chiếu): 030097011882

Cấp ngày: 11/07/2022 tại: Cục cảnh sát QLHC và TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Cơ sở đào tạo: Đại học Mở-Địa chất

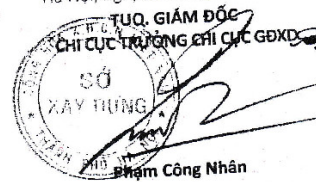
Hệ đào tạo: Chính quy

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành kỹ thuật địa chất

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình	III	Từ 08/12/2023 đến 08/12/2028

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023



Phạm Công Nhân

HANOI UNIVERSITY
OF MINING AND GEOLOGY
CONSULTANCY, TECHNOLOGY DEVELOPMENT AND
CONSTRUCTION IN MINING AND GEOLOGY, Co. Ltd.



It is hereby certified that
Mr/Mrs. Vu Hoang Duong
Has successfully passed the Training Course on

Laboratorial Testing Methods for
the Physical - Mechanical
Properties of Soils

Ref. N°.TP 109 /BCCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI
CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Chúng nhận: Vũ Hoàng Dương

Ngày sinh: 08/04/1997

Quê quán: Hải Dương

Địa chỉ: Thạch Khê - Tp. Hải Dương - Tỉnh Hải Dương



đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm:
Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý
của đất trong phòng thí nghiệm

Thời gian tổ chức: Từ 09/12 đến 22/12 năm 2019

Tại: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

CÔNG TY TƯ VẤN, TRIỂN KHAI VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

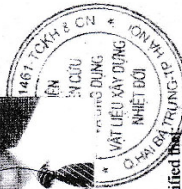
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that
Mr/Mrs: VU HOANG DUONG
Has successfully passed Training Course on
Methods for determining physico - mechanical properties of the
soil in the lab and on-site
In April 2024

Ref. No: 19/01.AT/03/BB/BV/D-TNY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **VŨ HOÀNG DƯƠNG**

Ngày sinh: 08 - 04 - 1997

Thường trú: Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Phương pháp xác định tính chất cơ lý của Đất trong phòng và hiện trường

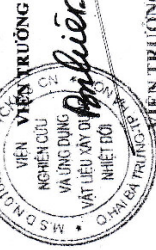
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức

Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024

Kết quả học tập: Đạt loại Khá

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2024



VIỆN TRƯỞNG

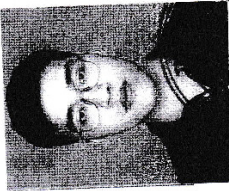
PGS.TSKH. Bạch Đình Chiêm



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT



CHỨC VỤ VÀ CHỨC NHIỆM
VIỆN TRƯỞNG
VẬN TẢI

Cấp
CHỨC CHỈ

Cho ông/bà: **Vũ Hoàng Dương**

Sinh ngày: 08/04/1997

Nơi thường trú: Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư - Kỹ thuật địa chất

Đã hoàn thành chương trình:

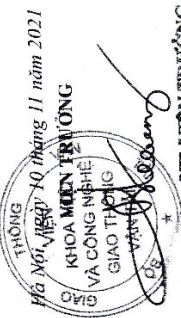
Đào tạo Thi nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: **Thi nghiệm hiện trường kiểm tra độ ổn định đất và sức chịu tải của cọc**

Khóa: **II** Tổ chức: 25/10 - 03/11/2021

Xếp loại: **Giỏi**

tại: **Thành phố Hà Nội**

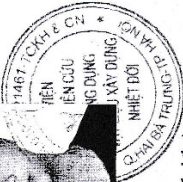


Số: 137.11.21/VKHCN-TNV
(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đinh Văn Tiến

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:

Mr/Mrs: NGUYEN XUAN TRUONG

Has successfully passed Training Course on

Methods for determining physico-mechanical properties of asphalt
concrete-construction materials in the lab and on-site

In April 2024

BC/No/19451/17/MS/04/04/T.M.T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: NGUYỄN XUÂN TRUÔNG

Ngày sinh: 03 - 09 - 1996

Thường trú: Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông nhựa-Vật liệu
xây dựng trong phòng và hiện trường

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới

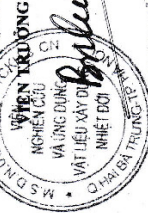
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức

Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024

Kết quả học tập: Đạt loại Khá



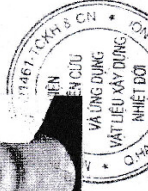
Ngày: 22/04/2024



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certificate that
Mr/Ms: NGUYEN XUAN TRUONG
Has successfully passed Training Course on
Experiment on transport infrastructure materials
In April 2024

Ref. No: 196/NL-AT/RSK/BB/DT/NT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: NGUYỄN XUÂN TRUÔNG

Ngày sinh: 03 - 09 - 1996

Thường trú: Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

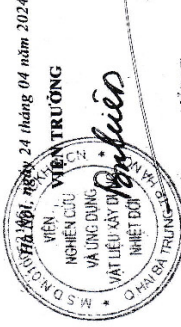
Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức

Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024

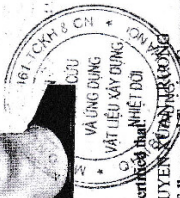
Kết quả học tập: Đạt loại Khá



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Chiến

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that
Mr/Ms: NGUYEN XUAN TRUONG
Has successfully passed Training Course on
Inspection of concrete quality by non-destructive method
In April 2024

REG. NO: 1945-L/HAN/16-BTP/TAT

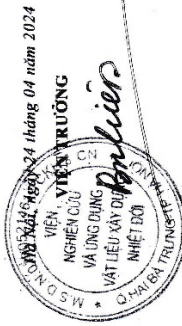
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG
Ngày sinh: 03 - 09 - 1996
Thương trú: Hải Dương

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Kiểm tra chất lượng Bê tông bằng phương pháp không phá hủy
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu xây dựng Nhiệt Đới
Trưởng Đại Học Xây Dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2024
Kết quả học tập: Đạt loại Khá



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. *Bach Dinh Thien*



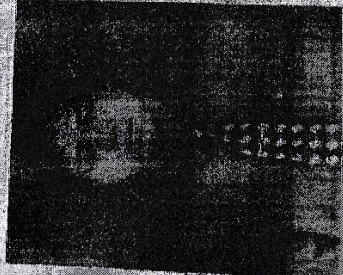
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 199/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo. Hiện trường trưởng
Đạt học Mi - Đạt chất



**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

loại hình đào tạo TẠCH LÚC
ngành *Đạt chất công nghệ*
hạng *Trung bình* năm tốt nghiệp 2003
và công nhận danh hiệu



Số hiệu bằng

0230574

Số vào sổ

000.002

Chữ ký của người được cấp bằng

đào *Nguyễn Văn Dân*
sinh ngày *15/1/1974* tại *Thị trấn*

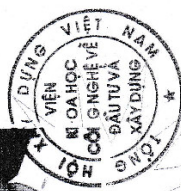
Hiện trường tháng năm 2003



Khoa

53-16

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỆ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
SCIENCE - TECHNOLOGY INSTITUTE FOR
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Ref. N°: 2025/GT2-070/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

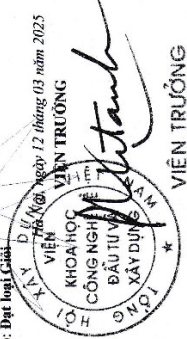
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỆ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

CHỨNG NHẬN

Ông : CAO NGỌC TUẤN ANH
Ngày sinh : 28/06/1996
Quốc tịch : Hải Dương
Đã hoàn thành chương trình đào tạo tạo thí nghiệm về

Thí nghiệm Vật Liệu công trình giao thông

Do Viện Khoa học Công nghệ về Đầu tư và Xây dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Từ 01/03/2025 đến 09/03/2025
Kết quả học tập: **Đạt loại Giỏi**



VIỆN TRƯỞNG

TS. Phùng Tú Việt Anh

Tư vấn Khảo sát địa chất phục vụ thiết kế kiến trúc cảnh quan hạng mục: Tượng Đài - Khu Tân Phú thuộc Dự án Khu đô thị Phú Quý (Goldenland), thành phố Hải Dương
Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tập đoàn Quang Giáp

Khoan khảo sát địa chất công trình: Xây dựng nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng (móng 3 tầng) trường THPT Thanh Miện, Địa chỉ: xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
Chủ đầu tư: Trường THPT Thanh Miện

Khảo sát Địa chất công trình: Nhà máy sản xuất đệm lò xo, nút xốp - Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại Tuấn Anh, địa điểm: thôn Thắng Lợi - Xã An Hưng - Huyện An Dương - TP Hải Dương
Chủ đầu tư: Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại Tuấn Anh

Khảo sát địa chất công trình: Xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B (cầu Quán Đò) với ĐT.378
Chủ đầu tư: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Thái Hưng

Tư vấn khảo sát xây dựng và lập báo cáo nghiên cứu khả thi. Dự án: Cải tạo, nâng cấp công trình đê điều đê địa phương tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025.
Chủ đầu tư: Ban Quản Lý dự án đầu tư Xây dựng tỉnh Hải Dương

Thí nghiệm nén tĩnh cọc bê tông công trình: Xây dựng, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Văn Hội, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương
Chủ đầu tư: UBND xã Văn Hội

Tư vấn thí nghiệm nén tĩnh cọc công trình: Xây mới Nhà làm việc, kho hồ sơ, hội trường 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Công an huyện Kim Động.
Chủ đầu tư: Công an tỉnh Hưng Yên

Nén tĩnh cọc bê tông công trình: Xây dựng bể chứa nước sạch 1200m³/ng.đêm Trạm cấp nước Phú Thái – Chi nhánh KDNS số 2: Địa điểm: Thị xã Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.
Chủ đầu tư: Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương

Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình: Đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (Không bao gồm hạng mục thi công phần di chuyển đường điện, cấp điện hạ thế)
Chủ đầu tư: Công ty cổ phần tập đoàn Tân Phương

Thí nghiệm vật liệu xây dựng phục vụ thi công công trình thuộc dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp An Phát 1, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương: Gói thầu: XL – 01 thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật.
Chủ đầu tư: Công ty cổ phần xây lắp ANI

Thí nghiệm VLXD công trình: Gói thầu số 7- TP: San nền, nền mặt đường, ATGT, vỉa hè, Block, hồ trồng cây, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước (theo Biên bản nghiệm thu đợt 2 ngày 05/10/2022)
Chủ đầu tư: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại G&T

Thí nghiệm VLXD công trình: Tu bổ tôn tạo Đền Kiếp Bạc xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh

Thí nghiệm VLXD công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Khu dân cư mới thôn Đông Phan, xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

Thí nghiệm VLXD công trình: Gói thầu số 08: Thi công xây dựng và gia cố mặt đê đoạn K0 ÷ K5+911 đê Tả Thương; Điểm canh đê tại K5+118; xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị cống sau Đỉnh tại K5+154 đê tả Thương. Dự án: Chống ngập úng và nuôi trồng thủy sản khu vực Hưng Đạo, thị xã Chí Linh (nay là Thành phố Chí linh, tỉnh Hải Dương; Địa điểm xây dựng: Thành phố Chí Linh - Tỉnh Hải Dương và huyện Lục Nam - Tỉnh Bắc Giang.

Thí nghiệm VLXD công trình: Xây dựng hạ tầng giao thông tuyến đường trục chính thôn Nại Đông, xã Tam Kỳ, huyện Kim Thành

Thí nghiệm VLXD công trình: Các hạng mục phụ trợ thuộc khu liên hợp thể thao thị xã Kinh Môn; Gói thầu: Thi công xây dựng các hạng mục: Đào hồ cảnh quan; Đường giao thông; Thoát nước mưa; Thoát nước thải; Cấp nước; Cây xanh; Địa điểm xây dựng: Phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Thí nghiệm VLXD công trình: Nhà thể thao đa năng huyện và các hạng mục phụ trợ, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.



KIỂM ĐỊNH MÁY THÍ NGHIỆM



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 01.037.25

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén

Kiểu (Type): TYE - 2000

Số (Serial N^o): 045

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Năm sản xuất: 2010

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Technical Specifications):

Phạm vi đo (0 ÷ 800) kN, giá trị độ chia 2,5 kN/vạch chia

Phạm vi đo (0 ÷ 2 000) kN, giá trị độ chia 5 kN /vạch chia

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109: 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực nén LRCN 730, phạm vi đo (0 ÷ 2 225) kN

(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,24 \%$

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cẩn



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy (kN)	Giá trị lực đo được (kN)
Phạm vi đo (0 ÷ 800) kN		
1	0	0
2	150	148,7
3	300	299,2
4	450	450,8
5	600	600,4
6	700	700,9
Phạm vi đo (0 ÷ 2 000) kN		
1	0	0
2	300	299,3
3	600	597,7
4	900	896,5
5	1 200	1 198,2
6	1 500	1 496,8
7	1 700	1 695,4

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,63 \%$

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)


Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 02.037.25

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền kéo, nén, uốn

Kiểu (Type): WE - 1000B

Số (Serial N^o): 176

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Năm sản xuất: 2010

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Technical Specifications):

Phạm vi đo (0 ÷ 200) kN, giá trị độ chia 0,4 kN /vạch chia

Phạm vi đo (0 ÷ 500) kN, giá trị độ chia 1 kN /vạch chia

Phạm vi đo (0 ÷ 1 000) kN, giá trị độ chia 2 kN /vạch chia

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109: 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực nén LRCN 730, phạm vi đo (0 ÷ 2 225) kN
(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,24 \%$

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cảnh



Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng

(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

Trang: 1/2
(N^o of pages)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy (kN)	Giá trị lực đo được (kN)
Phạm vi đo (0 ÷ 200) kN		
1	0	0
2	30	30,2
3	60	59,7
4	90	89,7
5	120	119,9
6	150	149,7
7	180	181,0
Phạm vi đo (0 ÷ 500) kN		
1	0	0
2	75	74,9
3	150	150,0
4	225	225,7
5	300	300,2
6	375	375,3
7	450	450,8
Phạm vi đo (0 ÷ 1 000) kN		
1	0	0
2	150	151,3
3	300	302,5
4	450	453,5
5	600	605,4
6	750	755,4
7	850	855,8

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,67 \%$

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)


Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 03.037.25

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén, uốn

Kiểu (Type): MC - 100

Số (Serial N^o): 01128

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Technical Specifications):

Phạm vi đo (0 ÷ 10) kN, giá trị độ chia 0,1 kN/vạch chia

Phạm vi đo (0 ÷ 100) kN, giá trị độ chia 0,5 kN /vạch chia

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109: 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷111) kN

Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cảnh

Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy (kN)	Giá trị lực đo được (kN)
Phạm vi đo (0 ÷ 10) kN		
1	0	0
2	1,5	1,51
3	3,0	3,02
4	4,5	4,52
5	6,0	6,05
6	7,5	7,54
7	9,0	9,07
Phạm vi đo (0 ÷ 100) kN		
1	0	0
2	15	15,11
3	30	30,23
4	45	45,31
5	60	60,42
6	75	75,54
7	90	90,76

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,64 \%$

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to Certificate N^o): 03.037.25

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

(Dated)



BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 04.037.25

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực**

Kiểu (Type): Kích tay

Số đồng hồ (Serial N^o): 17121184823

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications): Phạm vi hoạt động: (0 ÷ 320) kN.

Đồng hồ đo áp suất: (0 ÷ 60) MPa, độ chia: 1MPa/ vạch

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (The Method used): QTHC 01:2016

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷445) kN
(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cảnh



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên đồng hồ (MPa)	Lực đo được (kN)
1	0	0
2	5	11,5
3	10	24,5
4	15	38,9
5	20	52,6
6	25	67,2
7	30	81,4
8	35	96,8
9	40	110,5
10	45	124,4
11	50	138,6
12	55	152,8

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,58 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation):

Khoảng đo từ (0-5)MPa: $F = 2,305 \times P$

Khoảng đo từ (>5-60)MPa: $F = 2,87 \times P - 4,282$

trong đó: F là lực (kN); P là giá trị chỉ thị trên đồng hồ (MPa).

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)



Lê Nam Thắng

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to Certificate N°): 04.037.25

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

(Dated)



BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 05.037.25

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực**

Kiểu (Type): **Kích tay**

Số (Serial N^o): **N/A**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications): **Phạm vi hoạt động: (0 ÷ 320) kN**

Đồng hồ đo áp suất: (0 ÷ 700) kg/cm², độ chia: 10 (kg/cm²)/ vạch

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam**

Địa điểm thực hiện (The Place): **Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương**

Phương pháp thực hiện (The Method used): **ĐLVN 108 : 2002**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đầu đo lực kéo nén LGP 380 phạm vi đo (0÷445) kN**

(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): **U = 0,24 %**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

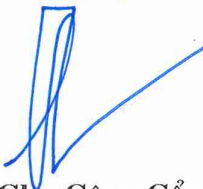
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **30 - 4 - 2026**

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cảnh


Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên đồng hồ (kg/cm ²)	Lực đo được (kN)
1	0	0
2	100	25,8
3	200	54,2
4	300	82,3
5	400	110,7
6	500	138,6
7	600	167,0
8	700	195,2

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,36 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation):

Khoảng đo từ (>100-700): $F = 0,28 \times P - 2,323$

trong đó: F là lực (kN); P là giá trị chỉ thị trên đồng hồ (kg/cm²).

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương





BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



VILAS 264

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 06.037.25

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực**

Kiểu (Type): KN 100-150

Số kích/ số đồng hồ (Serial N^o): 010611/1411253023

Nơi sản xuất (Manufacturer): VIỆT NAM

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Technical Specifications): Phạm vi hoạt động: (0 ÷ 1 000) kN

Đồng hồ đo áp suất: (0 ÷ 60) MPa, độ chia: 1 MPa/ vạch

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108: 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực nén LRCN 730, phạm vi đo (0 ÷ ±2 225) kN

Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cẩn

Hoàng Anh Giảng

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trên đồng hồ (MPa)
1	0	0
3	150	5,1
4	300	9,9
5	450	14,7
6	600	19,5
7	750	24,2
8	900	29,0
9	1 000	31,8

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(22 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 3,39 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation): $F = 31,468 \times P - 10,49$

trong đó: F là Lực tính toán (kN); P là Số chỉ trên đồng hồ (MPa)

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Hưng Đạo - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 07.037.25

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực**

Kiểu (Type): KN 200-150

Số kích/ số đồng hồ (Serial N^o): 200910/ 1411286034

Nơi sản xuất (Manufacturer): VIỆT NAM

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Technical Specifications): Phạm vi hoạt động: (0 ÷ 2 000) kN

Đồng hồ đo áp suất: (0 ÷ 60) MPa, độ chia: 1 Mpa/ vạch

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108: 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực nén LRCN 730, phạm vi đo (0 ÷ 2 225) kN

Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cảnh



Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trên đồng hồ (MPa)
1	0	0
3	300	7,6
4	600	14,5
5	900	21,3
6	1 200	28,7
7	1 500	35,1
8	1 800	42,3
9	2 000	47,1

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(22 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 2,28 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation): $F = 43,27 \times P - 28,85$

trong đó: F là Lực tính toán (kN); P là Số chỉ trên đồng hồ (MPa)

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương





BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 08.037.25

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực

Kiểu (Type): Cơ

Số (Serial N^o): A 5873

Nơi sản xuất (Manufacturer): TRUNG QUỐC

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Technical Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 50) kN

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108: 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷111) kN

Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,24 \%$

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cảnh



Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Số chỉ trên đồng hồ (vạch)	Lực đo (kN)
1	0	0
2	25	5,35
3	50	10,78
4	75	16,19
5	100	21,62
6	125	27,03
7	150	32,49
8	175	37,95
9	200	43,34
10	225	48,77

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,02 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation): $F = 0,217 \times L - 0,06$

trong đó: F là lực (kN) ; L là giá trị chỉ thị trên vòng đo lực (vạch)

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương





BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 09.037.25

Tên phương tiện đo (*Object*): **Cân đĩa điện tử**

Kiểu (*Type*): **GS-ALC15**

Số (*Serial N^o*): **413856469**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **NHẬT**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Technical Specifications*): **MAX = 15 kg; d = 0,5 g**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam**

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương**

Phương pháp thực hiện (*The Method used*): **QTHC 02:2018**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Bộ quả cân chuẩn F1**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2026**

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cảnh



Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

STT (No)	Mức cân (Load) (g)	Giá trị chỉ thị (Indication) (g)	Số hiệu chỉnh (Correction) (g)	Độ không đảm bảo đo U (Uncertainty) (g)
1	500	500,0	0	1,13
2	1 000	1 001,0	-1,0	1,14
3	2 000	2 002,0	-2,0	1,18
4	5 000	5 003,5	-3,5	1,28
5	10 000	10 004,5	-4,5	1,44
6	15 000	15 006,0	-6,0	1,60

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu	21	61
Kết thúc	22	61

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45 % (k=2) (Expanded measurement uncertainty U with coverage factor k=2; confidence level of P = 95,45 %)

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương





BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 10.037.25

Tên phương tiện đo (*Object*): **Cân đĩa điện tử**

Kiểu (*Type*): **GS-HAW15**

Số (*Serial N^o*): **4838864140**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **NHẬT**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Technical Specifications*): **MAX = 15 kg; d = 0,5 g**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam**

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương**

Phương pháp thực hiện (*The Method used*): **QTHC 02:2018**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Bộ quả cân chuẩn F1**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2026**

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định **TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng**
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cẩn

Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

STT (No)	Mức cân (Load) (g)	Giá trị chỉ thị (Indication) (g)	Số hiệu chỉnh (Correction) (g)	Độ không đảm bảo đo U (Uncertainty) (g)
1	500	500,0	0,0	1,81
2	1 000	1 001,5	-1,5	1,82
3	2 000	2 002,5	-2,5	1,84
4	5 000	5 004,0	-4,0	1,91
5	10 000	10 006,5	-6,5	2,03
6	15 000	15 008,0	-8,0	2,14

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu	21	61
Kết thúc	22	61

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45 % (k=2) (Expanded measurement uncertainty U with coverage factor k=2; confidence level of P = 95,45 %)

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to Certificate N°): 10.037.25

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

(Dated)



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 11.037.25

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ

Số (Serial N^o): 91213069

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 50) mm

Giá trị độ chia: 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: 170 - 102M - 2

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định **TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng**
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cẩn



Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	$\pm 14 \mu\text{m}$
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	$\pm 2 \mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	$\pm 6 \mu\text{m}$
1 vòng (circle)	$\pm 9 \mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	$\pm 11 \mu\text{m}$
Độ hồi sai (Retrace error)	$3 \mu\text{m}$
Độ lặp lại (Repeatability)	$2 \mu\text{m}$

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

$U = 5,92 \mu\text{m}$, với $k = 2$, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)


Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 12.037.25

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ

Số (Serial N^o): 00112233

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 50) mm

Giá trị độ chia: 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: 170 - 102M - 2

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chữ Công Cấn



Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	$\pm 12 \mu\text{m}$
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	$\pm 1 \mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	$\pm 4 \mu\text{m}$
1 vòng (circle)	$\pm 8 \mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	$\pm 10 \mu\text{m}$
Độ hồi sai (Retrace error)	$3 \mu\text{m}$
Độ lặp lại (Repeatability)	$2 \mu\text{m}$

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

$U = 5,92 \mu\text{m}$, với $k = 2$, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)


Nguyễn Đức Lương





BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 13.037.25

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ

Số (Serial N^o): 902812

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 50) mm

Giá trị độ chia: 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: 170 - 102M - 2

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)


Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cẩn



Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(*Calibration results*)

Sai số tổng (<i>Total error on wide range</i>)	$\pm 15 \mu\text{m}$
Sai số thành phần (<i>Partial error</i>):	
1/10 vòng (<i>circle</i>)	$\pm 2 \mu\text{m}$
1/2 vòng (<i>circle</i>)	$\pm 6 \mu\text{m}$
1 vòng (<i>circle</i>)	$\pm 7 \mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (<i>measuring range</i>)	$\pm 11 \mu\text{m}$
Độ hồi sai (<i>Retrace error</i>)	$3 \mu\text{m}$
Độ lặp lại (<i>Repeatability</i>)	$2 \mu\text{m}$

Nhiệt độ hiệu chuẩn (*Calibration temperature*): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo mở rộng (*Uncertainty of measurement*):

$U = 5,92 \mu\text{m}$, với $k = 2$, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn
(*Calibrated by*)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 14.037.25

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ

Số (Serial N^o): 902819

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 50) mm

Giá trị độ chia: 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: 170 - 102M - 2

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

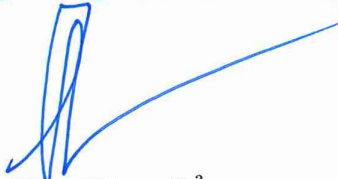
Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định **TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng**
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cảnh



Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	$\pm 14 \mu\text{m}$
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	$\pm 2 \mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	$\pm 3 \mu\text{m}$
1 vòng (circle)	$\pm 8 \mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	$\pm 11 \mu\text{m}$
Độ hồi sai (Retrace error)	$3 \mu\text{m}$
Độ lặp lại (Repeatability)	$2 \mu\text{m}$

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

$U = 5,92 \mu\text{m}$, với $k = 2$, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương





BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Measurement & Testing Certificate)

SỐ (N^o): 15.037.25

Tên phương tiện đo (*Object*): **Thiết bị thử độ dài nhựa đường**

Kiểu (*Type*): N/A

Số (*Serial N^o*): N/A

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **TRUNG QUỐC**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): **L = 1500 mm**

V = 50 mm/phút

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam**

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương**

Phương pháp thực hiện (*The Method used*): **Đo trực tiếp**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thước kẹp, thước mét, đồng hồ bấm giây**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2026**

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cảnh



Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Measurement & Testing results)

- Khoảng dẫn dài max: 1500 mm.
- Tốc độ: 50 mm/phút.
- Kích thước khuôn:
 - Chiều dày: 10 mm
 - Khoảng cách giữa hai chốt lắp khuôn: 114 mm
 - Khoảng cách giữa hai đỉnh trong: 75,3 mm
 - Chiều rộng nhỏ nhất của khuôn: 10 mm

*Nhiệt độ (Temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người thực hiện

Nguyễn Đức Lương





GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM
(Measurement & Testing Certificate)

SỐ (N^o): 16.037.25

Tên phương tiện đo (*Object*): **Cân đo vồng Benkelman**

Kiểu (*Type*): N/A

Số (*Serial N^o*): N/A

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **VIỆT NAM**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specifications*): **Tiêu chuẩn TCVN 8867: 2011**

Tỷ lệ độ chia của cân 2:1

Đồng hồ so phạm vi đo (0-10) mm; Độ chia 0,01 mm.

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam**

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **Đo trực tiếp**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: 170 - 102M - 2**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả trang sau

(See the measurement results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2026**

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định **Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD**


Chu Công Cẩn



Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Measurement & Testing results)

TT	Số đọc trên đồng hồ so (μm)	Giá trị đặt trên UDT - 2 (μm)
1	490	1 000
2	980	2 000
3	1 480	3 000
4	1 970	4 000
5	2 470	5 000
6	2 960	6 000
7	3 460	7 000
8	3 950	8 000
9	4 440	9 000
10	4 940	10 000

Nhiệt độ (Temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người thực hiện

Nguyễn Đức Lương





BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 17.037.25

Tên phương tiện đo (Object): Máy cát đất

Kiểu (Type): ZJ

Số vòng đo lực/ số máy (Serial N^o): A0246/238

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 1 200) N

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (The Method used): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷4 450) N
(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Chu Công Cẩn

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Lực đo (N)	Giá trị chỉ thị (x 0,01 mm)
1	0	0
2	120	22,0
3	240	45,2
4	360	68,4
5	480	91,5
6	600	114,8
7	720	138,5
8	840	161,3
9	960	184,5
10	1 080	207,7
11	1 200	230,9

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,07 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation): $F = 5,169 \times L + 6,29$

trong đó: F là lực (N); L là giá trị chỉ thị trên vòng đo lực (x 0,01 mm)

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)


Nguyễn Đức Lương





BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 18.037.25

Tên phương tiện đo (*Object*): Máy tam liên

Kiểu (*Type*): WG

Số (*Serial N^o*): 0846

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Năm sản xuất: 2008

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specifications*): Phạm vi đo: (0 ÷ 2 400) N, tỷ lệ cần i = 1:12
Phạm vi đo: (0 ÷ 2 000) N, tỷ lệ cần i = 1:10

Cơ sở sử dụng (*Customer*): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (*The Place*): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): Đầu đo lực kéo nén LGP 380 phạm vi đo (0÷4450) N
Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Chu Công Cẩn

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Cấp tải (kg)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn (N)		
			Dàn trái	Dàn giữa	Dàn phải
Mẫu thử 30 cm², tỷ lệ cần 1:12					
1	0	0	0	0	0
2	0,319	37,5	37,5	37,5	37,4
3	0,638	75	75,3	75,2	75,0
4	1,275	150	150,5	150,6	149,4
5	2,55	300	300,2	300,3	299,0
6	5,1	600	600,6	600,2	599,6
7	7,65	900	901,1	899,8	900,8
8	10,2	1200	1202,7	1201,5	1199,3
9	20,4	2400	2404,2	2402,7	2398,1
Mẫu thử 50 cm², tỷ lệ cần 1:10					
1	0	0	0	0	0
2	0,638	62,5	62,6	62,6	62,5
3	1,275	125	125,2	125,4	125,0
4	2,55	250	250,5	250,1	249,1
5	5,1	500	501,2	499,4	498,5
6	10,2	1000	1001,6	1000,9	999,5
7	15,3	1500	1502,4	1501,4	1498,2
8	20,4	2000	2003,7	2002,5	1997,6

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,05 \%$

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(*Calibration Certificate*)

SỐ (N^o): 19.037.25

Tên phương tiện đo (*Object*): **Áp kế lò xo của máy thử thấm bê tông**

Kiểu (*Type*): **Lò xo**

Số (*Serial N^o*): **200722**

Nước sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): **Phạm vi đo: (0 ÷ 4) MPa**

Độ chia: 0,05 MPa/vạch

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam**

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương**

Phương pháp thực hiện (*The Method used*): **ĐLVN 76 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Áp kế hiện số, model: DPI 610**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2026**

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cẩn



Trang: 1/2
(*N^o of pages*)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(*The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction*)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

STT	Giá trị áp suất trên áp kế cần hiệu chuẩn (MPa)	Giá trị áp suất trên áp kế chuẩn (MPa)		Sai số khi áp suất tăng (MPa)	Sai số khi áp suất giảm (MPa)
		Áp suất khi tăng	Áp suất khi giảm		
1	0	0	0	0	0
2	0,60	0,61	0,61	-0,01	-0,01
3	1,20	1,22	1,22	-0,02	-0,02
4	1,80	1,84	1,82	-0,04	-0,02
5	2,40	2,45	2,43	-0,05	-0,03
6	3,00	3,06	3,04	-0,06	-0,04
7	3,60	3,67	3,66	-0,07	-0,06

- Phương trình hiệu chuẩn:

$$P_{\text{thực}} = 0,00167 + 1,01786 * P_{\text{đo}}$$

Trong đó:

$P_{\text{thực}}$: là giá trị áp suất chỉ thị trên áp kế cần hiệu chuẩn (MPa)

$P_{\text{đo}}$: là giá trị áp suất trên chuẩn (MPa)

- Độ không đảm bảo đo mở rộng : $U = 0,068$ MPa

- Hệ số phủ : $k = 2,228$

- Mức độ tin cậy: 95 %

- Nhiệt độ hiệu chuẩn: $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

- Độ ẩm : $(60 \pm 5) \% \text{RH}$

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO

(Measurement Certificate)

SỐ (N^o): 20.037.25

Tên phương tiện đo (*Object*): Máy đo điện trở đất

Kiểu (*Type*): 4105A

Số (*Serial N^o*): W8155421

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): KYORITSU - Thái Lan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: $(0 \div 2\,000) \Omega$

Cơ sở sử dụng (*Customer*): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (*The Place*): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (*The Method used*): Đo trực tiếp

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): Hộp điện trở chuẩn

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cảnh



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ ĐO

(Measurement results)

TT	Giá trị đặt trên chuẩn (Ω)	Giá trị điện trở đo được (Ω)
1	400	402
2	800	803
3	1 200	1 204
4	1 600	1 606

Nhiệt độ (*Temperature*): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người thực hiện

Nguyễn Đức Lương





BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 21.037.25

Tên phương tiện đo (*Object*): **Cân đĩa điện tử**

Kiểu (*Type*): **ALC-15A**

Số (*Serial N^o*): **58821100557**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **TRUNG QUỐC**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Technical Specifications*): **MAX = 15 kg; d = 0,5 g**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam**

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương**

Phương pháp thực hiện (*The Method used*): **QTHC 02:2018**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Bộ quả cân chuẩn F1**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2026**

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện Chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cảnh

Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

STT (No)	Mức cân (Load) (g)	Giá trị chỉ thị (Indication) (g)	Số hiệu chỉnh (Correction) (g)	Độ không đảm bảo đo U (Uncertainty) (g)
1	500	500,0	0,0	1,12
2	1 000	1 000,0	0,0	1,12
3	2 000	2 001,0	-1,0	1,13
4	5 000	5 002,5	-2,5	1,16
5	10 000	10 003,0	-3,0	1,21
6	15 000	15 003,5	-3,5	1,25

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu (Begins)	23	61
Kết thúc (Ends)	24	62

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45 % (k=2) (Expanded measurement uncertainty U with coverage factor k=2; confidence level of P = 95,45 %)

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương





BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 22.037.25

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén tam liên

Kiểu (Type): WG-1C

Số (Serial N^o): V-Z-HD-000872308005

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 2 400) N, tỷ lệ cân i = 1:12
Phạm vi đo: (0 ÷ 2 000) N, tỷ lệ cân i = 1:10

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷4 450) N
(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cảnh

Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Cấp tải (kg)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn (N)		
			Dàn trái	Dàn giữa	Dàn phải
Mẫu thử 30 cm², tỷ lệ cân 1:12					
1	0	0	0	0	0
2	0,319	37,5	37,6	37,5	37,5
3	0,638	75	75,2	75,0	74,9
4	1,275	150	150,4	149,8	149,8
5	2,550	300	300,5	300,2	299,6
6	5,100	600	601,2	600,2	599,9
7	7,650	900	901,3	900,4	900,3
8	10,20	1 200	1 200,4	1 200,5	1 200,8
9	20,40	2 400	2 401,5	2 401,5	2 401,2
Mẫu thử 50 cm², tỷ lệ cân 1:10					
1	0	0	0	0	0
2	0,531	62,5	62,6	62,6	62,6
3	1,062	125	125,2	125,1	125,2
4	2,125	250	251,4	250,5	250,5
5	4,250	500	501,6	501,0	501,3
6	8,500	1000	1 002,4	1 001,5	1 002,0
7	12,75	1500	1 503,5	1 502,2	1 502,4
8	17,00	2000	2 005,0	2 004,5	2 003,6

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,05 \%$

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)


Nguyễn Đức Lương

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to Certificate N^o): 22.037.25

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

(Dated)



BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 23.037.25

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén tam liên

Kiểu (Type): WG

Số (Serial N^o): 0121

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 2 400) N, tỷ lệ cân i = 1:12
Phạm vi đo: (0 ÷ 2 000) N, tỷ lệ cân i = 1:10

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Hoàng gia Việt Nam

Địa điểm thực hiện (The Place): Số 55 phố Cầu Cốn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷4 450) N
(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2026

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cảnh



Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng

(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

Trang: 1/2
(N^o of pages)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Cấp tải (kg)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn (N)		
			Dàn trái	Dàn giữa	Dàn phải
Mẫu thử 30 cm², tỷ lệ cân 1:12					
1	0	0	0	0	0
2	0,319	37,5	37,5	37,4	37,5
3	0,638	75	75,3	75,1	75,3
4	1,275	150	150,4	149,7	150,5
5	2,550	300	300,7	300,3	300,2
6	5,100	600	601,2	600,6	599,7
7	7,650	900	901,6	901,2	899,2
8	10,20	1 200	1 202,2	1 201,6	1 198,9
9	20,40	2 400	2 402,7	2 402,3	2 398,6
Mẫu thử 50 cm², tỷ lệ cân 1:10					
1	0	0	0	0	0
2	0,638	62,5	62,6	62,6	62,6
3	1,275	125	125,3	125,2	125,4
4	2,55	250	250,6	250,4	250,9
5	5,1	500	501,2	501,2	501,4
6	10,2	1000	1002,1	1001,7	1002,2
7	15,3	1500	1502,6	1502,5	1503,6
8	20,4	2000	2004,5	2004,5	2005,0

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,05 \%$

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)


Nguyễn Đức Lương

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to Certificate N^o): 23.037.25

Ngày 21 tháng 4 năm 2025